

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-12-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Thành.
2. Bà Nguyễn Thị Rê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Thành - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 172/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mai H - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Võ Hoàng T - Sinh năm 1980 - Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04-11-2022, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai H trình bày:

Bà và ông Võ Hoàng T tổ chức đám cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2009 ngày 19-6-2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, quản lý kinh tế, ông T ghen tuông bạo hành bà. Bà và ông T ly thân từ tháng 7-2022 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Hoàng T.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Võ Tuấn V, sinh ngày 14-7-2005 và Võ Vũ D, sinh ngày 22-8-2012. Hiện 02 con chung hiện đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, ông T không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29-11-2022, quá trình tố tụng bị đơn ông Võ Hoàng T trình bày:

Ông đồng ý một phần trình bày của bà H về ngày tháng, điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân, thời gian ly thân, tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, quản lý kinh tế, ông không ghen tuông và bạo hành bà H.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Mai H.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Võ Tuấn V, sinh ngày 14-7-2005 và Võ Vũ D, sinh ngày 22-8-2012. Hiện hai con chung đang sống với bà H. Khi ly hôn, ông đồng ý giao 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Mai H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Võ Hoàng T, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bà Nguyễn Thị Mai H và ông Võ Hoàng T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 19-6-2009 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà H, đồng thời xét yêu cầu đoàn tụ của ông T; Hội đồng xét xử nhận định: Bà H và ông T đều không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình về nguyên nhân mâu thuẫn, tuy nhiên cả hai đã thống nhất vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cả hai đã sống ly thân và hiện tại vẫn ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngược lại, ông T yêu cầu đoàn tụ nhưng không có giải pháp hữu hiệu nào để vợ chồng quay về sống chung, nên không được chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Bà H và ông T thống nhất giao hai con chung tên Võ Tuấn V, sinh ngày 14-7-2005 và Võ Vũ D, sinh ngày 22-8-2012 cho bà H

tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[6] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[8] Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 51, 56, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mai H được ly hôn với ông Võ Hoàng T.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Mai H được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Võ Tuấn V, sinh ngày 14-7-2005 và Võ Vũ D, sinh ngày 22-8-2012, hiện hai con chung đang sống với bà H. Ông Võ Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Ông T được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà H và ông T có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mai H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0005408 ngày 08-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20-12-2022).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái